

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 601

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.**Câu 1:** 大_____市里兴起追求韩国明星的热潮。

- A. 诚 B. 城 C. 璚 D. 娥

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 首都 là: sh_____dū.

- A. ěn B. uǐ C. ǔn D. ǒu

Câu 3: Phiên âm đúng của từ 劳动 là: láo _____òng.

- A. t B. d C. s D. n

Câu 4: 学习正确使用语言对于_____非常重要。

- A. 精确度提高我们的思想表达 B. 我们表达思想精确度的提高
-
- C. 提高我们表达思想的精确度 D. 提高我们精确度思想的表达

Câu 5: 这房子质量不错, 价钱也可以接受, 我看你就买_____吧。

- A. 上来 B. 过来 C. 下来 D. 起来

Câu 6: 小明出了国以后, _____没有给我们打过电话。

- A. 从来 B. 从未 C. 经常 D. 常常

Câu 7: 他把电热杯拿到了我的房间, 然后冲了_____的咖啡给我喝。

- A. 乎乎热热 B. 乎乎热 C. 热乎乎 D. 热热乎乎

Câu 8: 在特殊情况_____, 只有使用这种办法才能解决问题。

- A. 里 B. 上 C. 下 D. 中

Câu 9: 这是世界食品工业和食品研究机构一直探讨的_____。

- A. 标题 B. 题材 C. 题目 D. 主题

Câu 10: 父亲生前很_____晚辈, 但是要求十分严格, 也很讲究教育方法。

- A. 疼爱 B. 热爱 C. 相爱 D. 敬爱

Câu 11: 这部电影深深吸引了我, 我_____主人公舍己救人的精神所感动。

- A. 给 B. 把 C. 为 D. 以

Câu 12: 我看这件事让谁去办我都不放心, 我_____亲自去一趟。

- A. 必要 B. 必须 C. 必然 D. 必需

Câu 13: 现在面对这相亲相爱的一家人, 他_____了。

- A. 被触动心中最柔弱的部分 B. 心中被触动最柔弱的部分
-
- C. 心中最柔弱的部分被触动 D. 柔弱的部分心中最被触动

Câu 14: _____平等互利、共同发展的原则, 两国已经签署了多项合作协议。

- A. 随着 B. 关于 C. 本着 D. 对于

Câu 15: 现在我们开始学习第十九_____的生词。

- A. 班 B. 课 C. 书 D. 笔

Câu 16: 小花, 我们明天晚上八点还在_____地方约会吧?

- A. 老 B. 短 C. 旧 D. 长

Câu 17: 你出了一身汗了, 先洗个澡再去_____饭吧。

- A. 问 B. 吃 C. 喝 D. 玩

Câu 18: 大家都说, _____他没有太多的钱, _____他有一双勤劳的手。

- A. 除了……还…… B. 如果……就……
-
- C. 幸亏……否则…… D. 尽管……但是……

Câu 19: 胡志明主席_____受到人民的尊敬和爱戴, _____他一生为祖国做出贡献。

- A. 不但……而且…… B. 之所以……是因为……
-
- C. 一方面……一方面…… D. 虽然……但是……

Câu 20: 实习时, 我_____了解了生产操作, _____了解了工人的生活。

- A. 虽然……但是……
B. 只要……就……
C. 不但……还……
D. 既然……那么……

Câu 21: 昨天, 我朋友送给我一_____新词典。

- A. 本
B. 张
C. 条
D. 把

Câu 22: 我正做_____作业呢, 你们先吃吧, 别等我了。

- A. 过
B. 的
C. 了
D. 着

Câu 23: 你说的这件事我怎么不知道_____?

- A. 呢
B. 吗
C. 了
D. 吧

Câu 24: 这里的名胜古迹没有南方_____多。

- A. 这样
B. 那么
C. 怎样
D. 怎么

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) của từ/cụm từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau.

Câu 25: 老师今天给A我们讲B的课文内容你C记D了吗? (住)

Câu 26: 周末很多人到A小区中间B环境幽静的C空气新鲜的D大花园散步。(供人们休息的)

Câu 27: 我爸爸A上星期B给我C买了D一双日本运动鞋。(在百货大楼)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong bài đọc sau, từ câu 28 đến câu 37.

有人说, 温和的声调是化解争论的良药。在双方交谈 (28) _____, 不论听话的人多么努力克制, 他自己的声调还是随着说话人的声音的高低, 而成比例的起伏跌落。温和地提问, 得到的回答也是温和的, 高声地提问, 回答也一样。可以说, 温和的回答有利于消除愤怒, (29) _____, 友善的姿态也有利于避免争论。

有一 (30) _____ 寓言完全可以证明这一论点:

太阳和风争论谁更强而有力, 风说: “我来 (31) _____ 你证明我更行, 你看到那一个穿着大衣的老头吗? 我打赌我能比你更快地使他脱掉大衣。” (32) _____ 太阳躲到云后, 风就开始吹 (33) _____, 愈吹愈大, 愈吹愈急。但是风吹得愈急, 老人愈把大衣紧裹在身上。终于, 风平息下来, (34) _____ 了。这时太阳才从云后露面, 开始以它温暖的微笑照着老人。不久, 老人开始擦汗, 脱掉大衣。太阳还是笑着对风说: “温和与友善总是要比愤怒和暴力更强而有力。”

这个世界上最受 (35) _____ 的都是那些温和、友善的人, 俗语也说: “伸手不打笑脸人”, 你始终以友善、以仁慈对待他人, 对方无法挑起事端, 双方无法争吵。的确这样, 始终以友善的姿态待人, (36) _____ 温和的声调, 这 (37) _____ 是你良好教养的表现, 也使争论无法发生。

(丁远峙, 《方与圆》, 中国商业出版社, 2006年, 有删改)

- | | | | | |
|----------------|-------|-------|-------|-------|
| Câu 28: | A. 下 | B. 中 | C. 上 | D. 里 |
| Câu 29: | A. 同样 | B. 一样 | C. 类似 | D. 相似 |
| Câu 30: | A. 则 | B. 只 | C. 张 | D. 把 |
| Câu 31: | A. 使 | B. 跟 | C. 让 | D. 给 |
| Câu 32: | A. 但是 | B. 于是 | C. 从此 | D. 因此 |
| Câu 33: | A. 下来 | B. 过来 | C. 出来 | D. 起来 |
| Câu 34: | A. 抛弃 | B. 放弃 | C. 丢弃 | D. 废弃 |
| Câu 35: | A. 欢迎 | B. 喜欢 | C. 喜悦 | D. 欢喜 |
| Câu 36: | A. 保持 | B. 保护 | C. 维护 | D. 维持 |
| Câu 37: | A. 可 | B. 又 | C. 既 | D. 即 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích cho từ/cụm từ được gạch chân trong các câu sau.

Câu 38: 随着全球化进程的日益加深, 国家间的相互交往也就越来越频繁。

- A. 交换
B. 向往
C. 交际
D. 来往

Câu 39: 在那个贫困的小山村, 不是什么病都能看的。

- A. 研究
B. 了解
C. 知道
D. 治疗

Câu 40: 有本事就来做一做, 别净在那儿说些不三不四的话。

- A. 不可理解 B. 没完没了 C. 没上没下 D. 不像样子

Câu 41: 王先生, 您别说了, 我都明白了。

- A. 学习 B. 说话 C. 清楚 D. 高兴

Câu 42: 做人要开朗、大度, 不要总是为一点儿小事去伤脑筋。

- A. 昏头昏脑 B. 损伤头部 C. 费心思 D. 发脾气

Câu 43: 阮师傅为人正派, 办事公道, 从未给发表不同意见的人穿小鞋。

- A. 背后嘲笑别人 B. 暗中调查别人
C. 背后讽刺别人 D. 暗中为难别人

Câu 44: 台上的歌手唱得很认真, 台下的观众们看得也很投入。

- A. 热烈 B. 热心 C. 操心 D. 专心

Câu 45: 曾经有一阵子, 我们的关系十分密切, 可近两年来变得生疏多了。

- A. 秘密 B. 严密 C. 细密 D. 紧密

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 46 đến câu 50.

有位小伙子自己一直找不到工作, 后来在朋友的帮助下, 他来到一家汽车公司卖汽车。

不爱说话的他, 一开始很不顺利, 谈了好几位顾客, 买卖都没有成功, 就这样他变得怕见陌生人了。后来的一次次失败, 使他忍受不下去了。于是他决定离开这里, 到农村住几天, 回来后再向经理辞职, 找新的工作。

回到农村, 他每天都在路上散步。有一次, 他看见几个小孩子在玩一只青蛙, 他们把杯子里的温水慢慢倒在青蛙的头上。这些孩子对青蛙很不友好, 但让人吃惊的是, 那只青蛙并没有躲开, 而是抬起头, 闭上眼睛, 显出非常舒服的样子。他那时候明白了, 原来青蛙是冷血动物, 当热水洒在身上时, 就像人在洗热水澡一样。他想到了自己的工作。有些顾客不友好的态度, 不正像小孩子们洒下的热水吗? 把它看做坏事是一种心情, 把它看做洗热水澡就会是另一种心情, 心情是由自己内心产生的, 好与坏就看自己怎么想了。

从农村回来后, 他决定每天必须联系100位顾客。后来他发现抽烟也是浪费时间, 于是烟也不抽了, 所有的时间都用来研究汽车、研究顾客。这个小伙子终于成功了。他成为本国第一位卖出一万辆汽车的人, 被人们称为“汽车销售大王”。

(李禄兴, 《HSK应试训练(初、中等)》, 北京语言大学出版社, 2008年, 有删改)

Câu 46: 这个小伙子是怎么找到工作的?

- A. 朋友介绍的 B. 公司聘请的
C. 顾客介绍的 D. 自己找到的

Câu 47: 一次次失败以后, 他决定:

- A. 再找新工作 B. 向经理辞职
C. 暂时回到农村 D. 重建这家公司

Câu 48: 孩子们往青蛙头上倒温水是为了:

- A. 消暑 B. 让它抬起头来 C. 玩耍 D. 让它闭上眼睛

Câu 49: 小伙子看见小孩子戏弄青蛙时想到了什么?

- A. 当汽车销售大王 B. 花时间联系顾客
C. 换一种心情做事 D. 花时间研究汽车

Câu 50: 根据上文, 下面哪一项正确?

- A. 心情能决定一个人的成功 B. 心情的好坏由周围的人决定
C. 戒烟后就没时间研究汽车 D. 抽烟使人在工作中取得成功

----- HẾT -----